

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69A/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/7/2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024;

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Đ, sinh ngày 05/10/1981; địa chỉ: Xóm R, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1972; nơi đăng ký HK trước khi xuất cảnh: Xóm R, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Đ và anh Phan Ngọc T đăng ký kết hôn với nhau ngày 11 tháng 03 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thời điểm kết hôn, chị Đ chưa đủ tuổi kết hôn nhưng chị Đ còn trẻ tuổi, thiếu hiểu biết pháp luật hơn nữa, khi thực hiện thủ tục kết hôn chị Đ khai bằng miệng, ủy ban xã cũng không kiểm tra nên có sự nhầm lẫn về tuổi kết hôn. Nhưng hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại thôn R, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được đến khoảng năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới chị Đ. Đến khoảng năm 2018, 2019, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị **Đ** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phan Ngọc T**.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 04 con chung là **Phan Ngọc H**, sinh năm 1998; **Phan Ngọc P**, sinh năm 2002; **Phan Ngọc Duy K**, sinh ngày 04/7/2006 và **Phan Ngọc Hải Đ1**, sinh ngày 09/11/2013. Đối với hai con **Phan Ngọc H** và **Phan Ngọc P** đã trên 18 tuổi, ở với ai do ai con tự quyết định, chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với hai con **Phan Ngọc Duy K**, sinh ngày 04/7/2006 và **Phan Ngọc Hải Đ1**, sinh ngày 09/11/2013, chị **Đ** đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị **Đ** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh **Phan Ngọc T** do đang xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên không có mặt để làm việc với Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập địa chỉ của anh **Phan Ngọc T** tại gia đình và chính quyền địa phương, nhưng gia đình anh **T** không hợp tác, không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh **T** ở nước ngoài, chính quyền địa phương cũng không xác định được địa chỉ cụ thể của anh **T** ở nước ngoài. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cũng như đăng tin trên sóng phát thanh Đài tiếng nói Việt Nam ở nước ngoài thông báo cho anh **T** biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng anh **T** và yêu cầu anh **T** có mặt để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật nhưng anh **T** không có phản hồi.

\* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ, bị đơn không hợp tác nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết cũng như đăng tin đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị **Dương Thị Đ** được ly hôn anh **Phan Ngọc T**.

+ Về con chung: Giao hai con chung **Phan Ngọc Duy K**, sinh ngày 04/7/2006 và **Phan Ngọc Hải Đ1**, sinh ngày 09/11/2013 cho chị **Dương Thị Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị **Đ** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với hai con **Phan Ngọc H**, sinh năm 1998; **Phan Ngọc P**, sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi có việc làm ổn định nên không xem xét giao cho ai nuôi dưỡng..

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; anh **Phan Ngọc T** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **Thôn R, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh** nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39. Quá trình xác minh, sau khi xác định bị đơn anh **Phan Ngọc T** đang ở nước ngoài theo Công văn số 29956/QLXNC-P3 ngày 09/11/2023 của **Cục Q1 Bộ C**, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 41, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị **Đ** có đơn xin giải quyết vắng mặt; Đối với anh **Phan Ngọc T**, Tòa án đã nhiều lần về xác minh nhưng gia đình anh **T** không hợp tác, từ chối cung cấp địa chỉ, chính quyền địa phương không nắm rõ địa chỉ anh **T**, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại Công văn 253/TANDTC ngày 26/11/2018 về hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị **Dương Thị Đ** và anh **Phan Ngọc T** theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị **Dương Thị Đ** và anh **Phan Ngọc T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn chị **Đ** mới 16 tuổi 05 tháng nên việc đăng ký kết hôn của chị **Đ** và anh **T** là không hợp pháp. Song xét đến thời điểm chị **Đ** có đơn ly hôn, vợ chồng chị **Đ** đã chung sống với nhau hơn 20 năm, sinh được 04 con chung và tạo lập được các tài sản chung nên đối chiếu quy định tại khoản d.1 Điều 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì Tòa án vẫn thụ lý giải quyết ly hôn theo thủ tục chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **Đ** và anh **T** không còn, tình trạng mâu thuẫn đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được do vợ chồng đã ly thân được 06 năm nay, việc duy trì hôn nhân giữa chị **Đ** và anh **T** là không có ý nghĩa. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị **Dương Thị Đ** được ly hôn anh **Phan Ngọc T** theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét ý chí, nguyện vọng của chị **Dương Thị Đ** về quyền được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chưa thành niên. Xét nguyện vọng xin được ở với mẹ của các cháu **Phan Ngọc D K** và **Phan Ngọc Hải Đ1** là chính đáng. Hơn nữa xét điều kiện anh **T** đang ở nước ngoài không thể trực tiếp đảm nhiệm việc nuôi dưỡng các con và cũng từ khi anh **T** đi nước ngoài đến nay, các con đều do chị **Đ** chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX nhận định cần thiết phải giao **Phan Ngọc Duy K**, sinh ngày 04/7/2006 và con **Phan Ngọc Hải Đ1**, sinh ngày 09/11/2013 cho chị **Dương Thị Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét sự tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con của chị Đ phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Dương Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật *Vì các lẽ trên*;

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 123, 127, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 10, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản d.1 Điều 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Dương Thị Đ được ly hôn anh Phan Ngọc T

2. *Về con chung*: Giao con chung Phan Ngọc Duy K, sinh ngày 04/7/2006 và con Phan Ngọc Hải Đ1, sinh ngày 09/11/2013 cho chị Dương Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. *Về tài sản chung*: Đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Dương Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng tính trừ cho chị Đ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009112, ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THSDS huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Dương;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Ngọc Tùng**

